TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/HS-ST
Ngày 27-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Nghĩa;

2. Ông Trịnh Minh Tường.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Lê Đăng Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Thị H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1981 tại tỉnh T; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị X; có chồng tên Nguyễn Văn T và 03 người con; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: tại Bản án số 15/2016/HSPT ngày 19-01-2016 của Tòa án nhân dân Thành phố H xử phạt Lê Thị H 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 16-12-2021 và án phí ngày 26-9-2017, đã được xóa án tích; bị tạm giữ từ ngày 18-12-2024 đến ngày 26-12-2024 chuyển sang tạm giam, ngày 20-01-2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh và bị Tạm hoãn xuất cảnh, từ ngày 26-3-2025 đến nay bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại:*

+ Ông Trương H1, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn D, sinh năm 1955; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Trần Văn L, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; có mặt.

+ Ông Trần Văn M, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt

+ Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

+ Ông Trần Văn N, sinh năm 1967; nơi cư trú: tổ E, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn H2, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

+ Anh Trương Văn H3, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị H không có nghề nghiệp ổn định, do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên H lợi dụng việc đi hái rau dại trong rẫy của người dân để lén lút chiếm đoạt tài sản là các rơ moóc máy kéo (mọt máy cày) không có người trông coi. Trong thời gian từ ngày 20-5-2024 đến ngày 15-12-2024, bị cáo H đã lén lún 04 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn huyện T, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: khoảng 14 giờ ngày 20-5-2024, trong lúc hái rau tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T, H phát hiện 01 rơ moóc máy kéo loại không có cầu đẩy, gắn 02 bánh hơi, đã rỉ sét, kích thước dài 4,5m, rộng 2m, chiều cao thành thùng 0,7m, của ông Trương H1 để trong vườn cao su, không có người trông coi, nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. H đến gặp anh T1 (tên thường gọi: Ú), sinh năm 1985, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T, nói với anh T1 là H mới mua được 01 mọt máy cày cũ của người khác và thuê anh T1 kéo về với tiền công là 700.000 đồng. Anh T1 đồng ý và đi theo H đến địa điểm trên kéo rơ moóc máy kéo về trạm cân H4 thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T. Trên đường đi, H điện thoại cho anh L, hỏi anh L có mua rơ moóc máy kéo cũ hay không, anh L đồng ý mua. Sau khi cân rơ moóc máy kéo vừa chiếm đoạt được nặng 930kg, anh L trả cho H 5.500.000 đồng và nhờ anh T1 kéo mọt máy cày này về bãi xe cũ của anh trong đường vào cứ Bà Đ1, thuộc xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Sau đó, H trả công cho anh T1 700.000 đồng. Đến ngày 10-7-2024, anh L bán rơ moóc máy kéo nói trên cho anh H2 với giá 7.500.000 đồng. Đến khoảng tháng 9-2024, anh H2 bán lại rơ mooc cho anh H3 với giá 8.000.000 đồng. Ngày 17-12-2024, anh H3 đã giao nộp chiếc rơ moóc máy kéo nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T. Tiền bán được rơ moóc, H đã tiêu xài cá nhân hết.

+ Vụ thứ hai: khoảng 09 giờ một ngày tháng 8-2024 (không nhớ ngày), H đi hái rau ở đám cao su mới cưa thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T thì phát hiện 01 rơ moóc máy kéo loại không có cầu đẩy, gắn 02 bánh hơi, màu xanh rêu, cạnh đáy thùng sơn màu đỏ cam, kích thước dài 3,6m, rộng 1,6m, chiều cao thành thùng 0,83m, để trong đám cao su mới cưa, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. H nhờ một số người đi làm mướn gần đó (không rõ họ tên, địa chỉ) đẩy rơ moóc máy kéo sang lề đường cách đó khoảng 20m, thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T. Sau đó, H điện thoại cho anh L nói mới mua được 01 rơ moóc máy kéo cũ, đồng thời gửi hình ảnh cho anh L xem, sau khi hai bên thỏa thuận thống nhất giá mua bán thì H thuê anh L đến kéo về trạm cân H4 cân được 750kg, thỏa thuận giá mua bán là 8.500 đồng/1kg và tính tiền là 6.400.000 đồng. Anh L trả tiền mặt cho H và kéo rơ moóc máy kéo này về. Khoảng 03 ngày sau, ông M (là anh trai ruột của anh L) bán lại cho ông N với giá 8.000.000 đồng. Ngày 17-12-2024, ông N đã giao nộp rơ moóc máy kéo nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác định được bị hại. Ngày 17-02-2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu đối với chiếc mọt máy cày nói trên, tuy nhiên đến nay vẫn chưa xác định được bị hại.

+ Vụ thứ ba: khoảng 10 giờ ngày 23-11-2024, trong lúc đi hái rau ở đám mì thuộc ấp S, xã T, huyện T, tỉnh T, H phát hiện 01 rơ moóc máy kéo loại có cầu đẩy, gắn 04 bánh hơi, màu xanh rêu, kích thước dài 3,23m, rộng 1,62m, chiều cao thành thùng 0,64m của anh Nguyễn Hoàng S để phía trước căn nhà hoang, không có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. H dùng điện thoại gọi video cho anh Đ và nói mới cấn nợ được 01 rơ moóc máy kéo cũ, H hỏi anh Đ có mua hay không, anh Đ chạy xe mô tô đến gặp H xem và đồng ý mua với giá 8.000.000 đồng. Sau đó, anh Đ về nhà chạy xe máy kéo đến kéo rơ moóc máy kéo về và yêu cầu H làm giấy mua bán viết tay, H viết giấy mua bán nhưng ghi tên giả là Lê Thị T2 để tránh bị phát hiện rồi giao cho anh Đ giữ, anh Đ đã trả đủ tiền cho H. Ngày 18-12-2024, anh Đ đã giao nộp rơ moóc máy kéo nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T. Tiền bán được rơ moóc, H đã tiêu xài cá nhân hết.

+ Vụ thứ tư: khoảng 10 giờ ngày 15-12-2024, H đi đến khu vực rẫy trồng chôm chôm thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T, phát hiện rơ moóc máy kéo loại không có cầu đẩy, gắn 02 bánh hơi, màu nâu, kích thước dài 3,7m, rộng 1,6m, chiều cao thành thùng 1,3m, bên trên mọt có 01 thùng nhựa màu trắng, dung tích 1.000 1ít, xung quanh có khung kim loại bảo vệ, dài 1,2m, rộng 1m, cao 1m; 02 cần xịt thuốc bằng kim loại, mỗi cần dài 2m, gắn với bét phun màu đỏ và 02 cuộn dây xịt thuốc, loại dây máy nén bằng nhựa, mỗi cuộn dài 50m của ông D để trong rẫy, không có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. H đến gặp anh T1 và nói H mới mua được 01 rơ moóc máy kéo cũ nên thuê anh T1 kéo về, thỏa thuận tiền công kéo là 800.000 đồng. Anh T1 chạy xe máy kéo đến vị trí để rơ moóc theo chỉ đường của H và kéo rơ moóc về khu vực xã T. Trên đường đi, H nói với anh T1 là nhà H không có chỗ để nên đề nghị để nhờ ở nhà anh T1 nhưng anh T1 không đồng ý, mà kéo đến để ở lề đường cách nhà khoảng 800m, H chưa trả tiền công kéo cho anh T1. Sau đó, H điện thoại cho anh L nói với anh L mới mua được 01 mọt rơ moóc máy kéo cũ và hỏi anh L có mua hay không, anh L chạy xe mô tô đến xem và đồng ý mua với giá 5.000.000

đồng, sau đó anh L đem xe cẩu đến cẩu rơ moóc máy kéo về, anh L trả tiền mặt cho H 3.000.000 đồng và chuyển khoản cho H 2.000.000 đồng. Ngày 17-12-2024, anh L đã giao nộp rơ moóc máy kéo nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T. Tiền bán được rơ moóc, H đã tiêu xài cá nhân hết.

* Kết quả định giá tài sản*:* tại Kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐĐGTS, ngày 24-12-2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận:

- 01 rơ moóc máy kéo (mọt máy cày) loại không có cầu đẩy, gắn 02 bánh hơi, kích thước dài 4,5m, rộng 2m, chiều cao thành thùng 0,7m, màu rỉ sét, không có giấy chứng nhận đăng ký, tài sản của ông Trương H1, đã qua sử dụng, có giá trị là 8.000.000 đồng.

- 01 rơ moóc máy kéo (mọt máy cày) loại có cầu đẩy, gắn 04 bánh hơi, kích thước dài 3,23m, rộng 1,62m, chiều cao thành thùng 0,64m, màu xanh rêu, không có giấy chứng nhận đăng ký, tài sản của ông Nguyễn Hoàng S đã qua sử dụng, có giá trị là 20.000.000 đông;

- 01 rơ moóc máy kéo (mọt máy cày) loại không có cầu đẩy, gắn 02 bánh hơi, kích thước dài 3,7m, rộng 1,6m, chiều cao thành thùng 1,3m, màu nâu, không có giấy chứng nhận đăng ký, tài sản của ông Phạm Văn D đã qua sử dụng, có giá trị là 15.000.000 đồng;

- 01 thùng nhựa màu trắng, dung tích 1.000 1ít, xung quanh có khung kim loại bảo vệ, dài 1,2m, rộng 1m, cao 1m, đã qua sử dụng, có giá trị là 1.000.000 đồng;

- 02 cần xịt thuốc bằng kim loại, mỗi cần dài 2m, gắn với bét phun màu đỏ, đã qua sử dụng, có giá trị là 300.000 đồng;

- 02 cuộn dây xịt thuốc loại dây máy nén bằng nhựa, mỗi cuộn dài 50m, đã qua sử dụng, có giá trị là 1.000.000 đồng.

- 01 rơ moóc máy kéo (mọt máy cày) loại không có cầu đẩy, gắn 02 bánh hơi, kích thước dài 3,6m, rộng 1,6m, chiều cao thành thùng 0,83m, màu xanh rêu, cạnh đáy thùng sơn màu đỏ cam, không có giấy chứng nhận đăng ký, không xác định được chủ sở hữu đã qua sử dụng, có giá trị là 15.000.000 đồng.

Tổng các tài sản trên có giá trị là 60.300.000 đồng,

* *Kết quả kê biên tài sản:* bị cáo H và chồng là Nguyễn Văn T có đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 200,4m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ số 65 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T, nhưng đang thế chấp tại Ngân hàng N1 chi nhánh huyện T, tỉnh T nên không tiến hành kê biên.

* *Về trách nhiệm dân sự*: bị hại H1, D đã được nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu bồi thường. Bị hại S đã nhận lại tài sản bị mất trộm và yêu cầu bị cáo H bồi thường thêm số tiền 5.000.000 đồng do tài sản bị hư hao sau khi bị chiếm đoạt.

Anh L yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 16.900.000 đồng; anh Đ yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 8.000.000 đồng; ông N yêu cầu ông M trả lại số tiền 8.000.000 đồng; anh H3 yêu cầu anh H2 trả lại số tiền 8.000.000 đồng; anh H2 yêu cầu anh L trả lại số tiền 7.500.000 đồng.

Bản cáo trạng số 41/CT-VKSTB, ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Lê Thị H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Thị Hiền T3 02 (hai) năm tù đến 03 (ba) năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* *Bồi thường thiệt hại:* căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận bị hại Trương H1, Phạm Văn D đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại. Ghi nhận bị hại Nguyễn Hoàng S đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo H bồi thường.

Ghi nhận bị cáo H đã hoàn trả lại cho anh L 10.000.000 đồng, anh Đ 8.0000.000 đồng; anh L và anh Đ không yêu cầu giải quyết gì thêm. Ghi nhận ông N, anh H3 không yêu cầu giải quyết số tiền với ông M, anh H2.

Anh L phải có nghĩa vụ trả lại tiền cho anh H2 theo quy định pháp luật.

* *Về xử lý vật chứng:* căn cứ các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo Lê Thị H thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: bị cáo H nhận thấy hành vi của bị cáo là sai trái, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chữa bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo thể hiện như sau:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ ngày 20-5-2024 đến ngày 15-12-2024, trên địa bàn các xã T, T và T, huyện T, tỉnh T, nhằm mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo Lê Thị H đã 04 lần lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là các rơ mooc máy cày, cần xịt thuốc, cuộn dây xịt thuốc và thùng nhựa của ông Trương H1, ông Nguyễn Hoàng S và ông Phạm Văn D, với tổng giá trị tài sản theo Kết luận định giá tài sản số: 47/KL-HĐĐGTS, ngày 24-12-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T là 60.300.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Thị H đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"*, với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số: 41/CT-VKSTB, ngày 06-5-2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo H và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[2.2] Đối với anh T1 có hành vi kéo thuê mọt máy cày cho bị cáo H; anh L, ông M, anh Đ có hành vi mua lại các mọt máy cày từ bị cáo H, tuy nhiên anh T1, anh L, ông M, anh Đ không biết tài sản này do H trộm cắp mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T không xử lý là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ đồng thời gây mất trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng Nhân dân. Khi thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, nên cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo.

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo H nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và giá trị tài sản bị chiếm đoạt mỗi lần từ 2.000.000 đồng trở lên, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo H thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình; ngày 17-6-2025 bị cáo đã bồi thường cho bị hại S 5.000.000 đồng và hoàn trả cho anh L 10.000.000 đồng, anh Đ 8.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Hình phạt áp dụng: bị cáo H từng bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản", tuy nhiên sau khi chấp hành án xong bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân để sống có ích cho gia đình và xã hội, mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, điều này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo rất kém. Do đó, cần xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời phục vụ cho công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo không có tài sản bị kê biên, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự:

[6.1] Các bị hại H1, D đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại; bị hại S đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và yêu cầu bị cáo H bồi thường thêm 5.000.000 đồng, ngày 17-6-2025 bị cáo H đã bồi thường xong số tiền này cho bị hại S, bị hại S không yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6.2] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: bị cáo H đã trả cho anh Đ 8.000.000 đồng và trả cho anh L 10.000.000 đồng, số tiền còn lại 6.900.000 đồng bị cáo H và anh L tự thỏa thuận; anh H2 đã trả cho anh H3 số tiền 8.000.000 đồng, ông M đã trả cho ông N 5.000.000 đồng, số tiền 3.000.000 đồng còn lại ông N và ông M tự thương lượng, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6.3] Anh H2 yêu cầu anh L hoàn trả cho anh H2 số tiền 7.500.000 đồng mua mọt máy cày (là tài sản do bị cáo H trộm cắp mà có), anh L đồng ý trả cho anh H2, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc anh L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh H2 số tiền 7.500.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại hiệu Reame C2, màu xanh, gắn sim số 0868816481 và 0364032133, bị bể màn hình, đã qua sử dụng của bị cáo H sử dụng để thực hiện tội phạm, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Tài sản thu giữ chưa xác định được chủ sở hữu là 01 rơ moóc máy kéo (mọt máy cày) loại không có cầu đẩy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh đã ra Thông báo tìm chủ sở hữu phương tiện số 116/TB-ĐCSHSKTMT ngày 17-02-2025 đến nay vẫn không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản. Căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật Dân sự cần chuyển giao cho Công an tỉnh T bảo quản, trong thời hạn 01 (một) năm mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản là vật chứng có yêu cầu xem xét giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, hết thời hạn này tài sản sẽ được sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: bị cáo H là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; anh L là người có nghĩa vụ trả tiền cho anh H2 nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 7.500.000 đồng = 375.000 đồng, theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-12-2024 đến ngày 20-01-2025.

2. Về biện pháp tư pháp:

2.1. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại hiệu Reame C2, màu xanh, số Imei: 861599042196013, gắn sim số 0868816481 và 0364032133, bị bể màn hình, đã qua sử dụng của bị cáo Lê Thị H.

- Chuyển giao cho Công an tỉnh T bảo quản tài sản đang bị tạm giữ là 01 (một) rơ moóc máy kéo (mọt máy cày) loại không có cầu đẩy, gắn 02 bánh hơi, kích thước dài 3,6m, rộng 1,6m, chiều cao thành thùng 0,83m, màu xanh rêu, cạnh đáy thùng sơn màu đỏ cam, không có giấy chứng nhận đăng ký, đã qua sử dụng. Trong thời hạn 01 (một) năm theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Dân sự mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản là vật chứng có yêu cầu xem xét giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, hết thời hạn này tài sản sẽ được sung vào ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14-5-2025).

2.2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc anh Trần Văn L phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Phạm Văn H2 số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn L phải chịu 375.000 (ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt có quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ (đối với phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền và lợi ích của mình)

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- PKTNV- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Cơ quan THAHS;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Biên;
- Chi cục THA DS huyện Tân Biên;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy